

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27

Group G14
Round 7

Board 1

WHITE Li Peishan						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Nguyen Ngoc Truc Quynh						FED VIE		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nh4	gac8	41			61		
2	c4	e6	22	g3	bc	42			62		
3	e3	bb	23	bc	cb	43			63		
4	Nf3	Bb7	24	gdl	dc	44			64		
5	Bd3	Bb4	25	g5	gfb8	45			65		
6	Nbd2	ao	26	gac5	g7	46			66		
7	ao	Bd2	27	db	g6	47			67		
8	Bd2	db	28	g4	ef	48			68		
9	gac2	Nbd7	29	g4	gcb	49			69		
10	g4	e5	30	Nf5	Bf5	50			70		
11	g5	Nc5	31	Rf5	g9	51			71		
12	g5	Nd3	32	Rd3	g8	52			72		
13	g3	Bc8	33	Rg3	g8	53			73		
14	g4	Bg4	34	Rf6	g2	54			74		
15	g3	Bh5	35	g5	g8	55			75		
16	g3	h6	36	Rf3		56			76		
17	Bh4	Rg6	37			57			77		
18	Rf1	Kh7	38			58			78		
19	g5	gac7	39			59			79		
20	Bf3	gf	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Li Peishan			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 27/08

Group G14
Round 07

Board 01

WHITE Li Peishan						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Nguyen Ngoc Truc Quynh						FED VIE		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 ³⁰	Nf6 ²⁹	21	Nh4 ³⁹	gac8 ⁴³	41			61		
2	c4	e6 ²⁸	22	g3 ³⁰	bc ³⁸	42			62		
3	e3	bb ²⁶	23	bc	cb	43			63		
4	Nf3 ²⁷	Bb7 ²⁴	24	gdl ²⁹	dc ³⁵	44			64		
5	Bd3 ²⁵	Bb4 ²¹	25	g5 ²²	gfb8 ³⁰	45			65		
6	Nbd2 ²²	ao ¹⁹	26	gac5 ²²	g7 ²⁹	46			66		
7	ao ¹⁸	Bd2 ¹⁸	27	db ¹⁸	g6 ²⁶	47			67		
8	Bd2 ¹⁶	db ¹⁶	28	g4	ef ²³	48			68		
9	gac2 ¹¹	Nbd7 ¹⁰	29	g4	gcb ²¹	49			69		
10	g4 ⁶	e5 ⁷	30	Nf5 ¹⁴	Bf5 ²⁰	50			70		
11	g5 ¹	Nc5 ⁵	31	Rf5	g9 ¹⁹	51			71		
12	g5 ⁰	Nd3 ²	32	Rd3 ¹	g8 ¹⁴	52			72		
13	g3 ⁵³	Bc8 ¹	33	Rg3 ¹³	g8	53			73		
14	g4 ⁵⁸	Bg4 ⁵⁸	34	Rf6	g2 ²⁹	54			74		
15	g3 ⁵⁴	Bh5 ⁵⁶	35	g5 ⁹	g8	55			75		
16	g3 ⁴⁸	h6 ⁵²	36	Rf3 ¹³		56			76		
17	Bh4	Rg6 ⁵¹	37			57			77		
18	Rf1 ⁴⁶	Kh7 ⁴⁷	38			58			78		
19	g5 ⁴²	gac7 ⁴⁵	39			59			79		
20	Bf3 ⁴⁰	gf	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Li Peishan			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 27/8/26

Group	G14
Round	7
Board	2

WHITE Rosnizan, Izz Zara Nisyah						FED MAS			RESULT (W) 1/2		
BLACK Egshiglen, Bayasgalan						FED MGL			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Wf6	21	Kxf1	Ng4	41	Kg2	Kf7	61	Kel	Rh1
2	c4	e6	22	Kg2	f5	42	Kf2	Ke7	62	Kd2	Ra1
3	Nf3	Bb4	23	h3	Nh6	43	Kg2	Kd7	63	Kc2	Kc2
4	Bd2	Qe7	24	f3	Qg5	44	Kf2	Kc7	64	Kd1	Rb2
5	g3	b6	25	Nb5	Wf7	45	Kg2	Nc8	65	Kc1	Re2
6	Bg2	Bb7	26	Nc7	Ra6	46	Nxc4	bxc4	66	Kd1	Rh2
7	O-O	Bxd2	27	Wef	Qe3	47	Kf2	Kb6	67	Kel	
8	Qxd2	d6	28	Re1	Qc3	48	Kf2	Rh1	68		
9	Nc3	O-O	29	Rab1	a4	49	Rc2	Isbs	69		
10	Qc2	Nbd7	30	Nb2	Qx6	50	Rc3	Rh3	70		
11	e4	e5	31	Rab2	b5	51	Kf2	Rh2	71		
12	~~h3~~	~~g3~~	32	Wc1	Nh6	52	Kc1	Rg2	72		
13	~~Kf1~~	~~Kd5~~	33	Re2	Kc1	53	Kf1	Rb2	73		
14	b4	c6	34	Rcc2	~~Re2~~	54	Kc1	Rb1	74		
15	Rfcl	cxds	35	~~Rxc7~~	~~Rxc8~~	55	Kd2	Rh1	75		
16	cxds	Rdc8	36	Kf2	Rc1	56	Kc2	Rh2	76		
17	Qb2	Bab	37	Nd2	h6	57	Kc1	Kg2	77		
18	Nd2	g6	38	Ra2	Ng5	58	Kd1	Rh2	78		
19	Nb3	Rc4	39	Nxg5	hxy5	59	Kel	Rh3	79		
20	Bf1	Bxf1	40	g4	f4	60	Kd1	Rh2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zac			Egshiglen			lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 08.27

Group	G14
Round	7
Board	2

WHITE Rosnizam Izz Zara Nisyah						FED MAS			RESULT (W) 1/2		
BLACK Egshiglen, Bayasgalan						FED MGL			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Kf1	Ng4	41	Kg2	Kf7	61	Kel	Rh1
2	c4	e6	22	Kg2	f5	42	Kf2	Ke7	62	Kd2	Ra1
3	Nf3	Bb4	23	h3	Nh6	43	Kg2	Ke7	63	Kc2	Ra2
4	Bd2	Qe7	24	f3	Qg5	44	Kf2	Ke7	64	Kd1	Rb2
5	g3	b6	25	Nb5	Nf7	45	Kg2	Nc5	65	Kc1	Re2
6	Bg2	Bb7	26	Nc7	Rb8	46	Nc5	bc	66	Kd1	Rh2
7	O-O	Bd2	27	Nc5	Qe3	47	Kf2	Kb6	67	Kel	
8	Qxd2	d6	28	Re1	Qc3	48	Ke2	Rh1	68		
9	Nc3	O-O	29	Rb1	a4	49	Rc2	Kb5	69		
10	Qc2	Nbd7	30	Nd2	Qb2	50	Rc3	Rh3	70		
11	e4	e5	31	Rb2	b5	51	Kf2	Rh2	71		
12	d5	a5	32	Nb1	Nb6	52	Kel	Rg2	72		
13	a3	Rd8	33	Ree2	Rc1	53	Kf1	Rb2	73		
14	b4	c6	34	Rcc2	Rc8	54	Kel	Rb1	74		
15	Rfcl	cd	35	Rb8	Rc8	55	Ke2	Rh1	75		
16	cd	Rdc8	36	Kf2	Rc1	56	Ke2	Rh2	76		
17	Qb2	Bo6	37	Nd2	h6	57	Kel	Rg2	77		
18	Nd2	g6	38	Ra2	Ng5	58	Kd1	Rh2	78		
19	Nb3	Rc4	39	Ng5	hg	59	Kel	Rh3	79		
20	Bf1	Bf1	40	g4	f4	60	Kd1	Rh2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zac			Egshiglen			lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.26

Group

G14

Round

7

Board

3

WHITE						FED						RESULT (W)	
Tong Yiyi						CHN						1	
BLACK						FED						RESULT (B)	
Dawn Chari Ailsha Egbert						INA						0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	a4	Nf8	41	Bt2	Qe5	61				
2	c4	e6	22	Rf1	Nb6	42	Qf3	Qe4	62				
3	Nc3	Nf6	23	Rad1	Nc7	43	Qh3	Kf8	63				
4	cd	ed	24	c4	Bf5	44	f6		64				
5	Bg5	c6	25	e5	Nd8	45			65				
6	e3	Bd6	26	d6	Nh7	46			66				
7	Bd3	Nb6	27	f4	Qd7	47			67				
8	Qc2	h6	28	Re3	Nf8	48			68				
9	Bb4	O-O	29	Qa4	Qf5	49			69				
10	f3	Re8	30	Rf3	h5	50			70				
11	Bt2	Bc7	31	Rh1	Nb6	51			71				
12	Nf2	g5	32	Qd1	Nc7	52			72				
13	h3	c5	33	Be1	g6	53			73				
14	Nb5	Qb6	34	R3f2	Qd7	54			74				
15	Nd6	Qd6	35	g4	h9	55			75				
16	Bb5	b6	36	h9	Nb5	56			76				
17	O-O	Bb7	37	f5	Nc3	57			77				
18	Qd3	c4	38	b6	Nc6	58			78				
19	Qc2	Rac8	39	Rh2	Nc5	59			79				
20	Nc3	Bb6	40	de	Re7	60			80				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	
Tong Yiyi						Dawn Chari						Lin	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.26

Group

G14

Round

7

Board

3

WHITE						FED						RESULT (W)	
Tong Yiyi						CHN						1	
BLACK						FED						RESULT (B)	
Dawn Chari Ailsha Egbert						INA						0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	d4	Nf8	41	Bf2	Qe5	61				
2	c4	e6	22	Rf1	Nb6	42	Qf3	Qe4	62				
3	Nc3	Nf6	23	Rad1	Nc7	43	Qh3	Kf8	63				
4	cd	ed	24	e4	Bx6	44	f6		64				
5	Bg5	c6	25	e5	Qd8	45			65				
6	e3	Bd6	26	axb5	Nh7	46			66				
7	Bd3	Nb6	27	f4	Qd7	47			67				
8	Qc2	h6	28	Re3	Nf8	48			68				
9	Bh4	O-O	29	Qa4	Qf5	49			69				
10	f3	Re8	30	Rf3	h5	50			70				
11	Bf2	Qc7	31	Rf1	Nb6	51			71				
12	Nf2	a5	32	Qd1	Nc7	52			72				
13	h3	c5	33	Be1	g6	53			73				
14	Nb5	Qb6	34	R3f2	Qd7	54			74				
15	Nx6	Qd6	35	g4	h9	55			75				
16	Bb5	b6	36	h9	Nb5	56			76				
17	O-O	Bb7	37	f5	Nxc3	57			77				
18	Qd3	c4	38	Bxc3	Nc6	58			78				
19	Qc2	Rac8	39	Rh2	Nxe5	59			79				
20	Nc3	Bb6	40	axc5	Qe7	60			80				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)	
Tong Yiyi						Dawn Chari						Lin	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 27 Aug 26

Group G14
Round 7
Board 4

WHITE Wong, En Ting Alesq										FED SGP	RESULT (W)
BLACK Nicolas, Nika Juris										FED PHI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4 a0	e6 a1	21	bxc2 28	nf4 46	41	Rfc2	Qa7	61	Kh3	Q-Q
2	Nc3 a6	d5 a1	22	Bf3 25	Q3 42	42	Kh2	Qa8	62	Ka4	Qc4
3	Qd5 a0	exd5 a1	23	Nc4 25	Nbd5 41	43	Rc7	Qe4	63	Kh3	Qh4
4	d4 a0	Nf6 a2	24	Bg3 22	Nd6 47	44	Qd6	Re6	64	Kg4	Ke2
5	Ba5 a0	Be7 a2	25	Bxd5 30	Qxd5 37	45	Qd1	Qa4	65	Kf4	Qd5
6	e3 a0	O-O a2	26	Nc3 20	Nd4 38	46	Kh1	Qa3	66	h5	Re6
7	Bd3 a8	h6 a3	27	Bd3 20	Bc5 35	47	Rc8	Kh7	67	g4	Qc4
8	Bh4 a7	Re8 a3	28	Bd2 24	Qb6 34	48	Rxb8	Re7	68	Kg3	Ka5
9	Nge2 a6	a6 a3	29	Kh1 17	Kxb3	49	Qxe1	Qe4	69	Kh2	Re7
10	O-O a5	Nbd7 a3	30	Qxb3 12	Bxe3	50	Kh2	Qc6	70	Qa2	
11	f3 a9	b5 a3	31	Bxd5 17	Qa7 20	51	Ka1	Qxb8	71	Kh1	Re7
12	Qc2 a5	Nb6 a2	32	Be1 17	Be3	52	Rd2	Qb6	72	Qb6	Qf1
13	b3 a4	a5 a1	33	Bd2 34	Bd2	53	Kf1	Qb5	73		
14	e4 a9	b4 a3	34	Bxd2 34	Qa5	54	Kg1	Qa5	74		
15	Nd1 a9	dxc4 a1	35	Rd2 34	Qa5 28	55	Q3	Qe3	75		
16	fxc4 a8	Bg4 a6	36	Rxa2 34	Ra8	56	Fd2	Qb3	76		
17	Bf2 a2	a4 a3	37	Bf4 34	Qe2	57	h4	Qd5	77		
18	Nb2 a8	Ba8 a0	38	Rae2 34	Qb7	58	Kh2	b3	78		
19	c5 a4	Nf4 a5	39	Rc2 34	Re7	59	Qd2	Qy2	79		
20	h3 a1	Bxc2 a4	40	Rc4 34	Rb8	60	Kx2	b2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
						Jim					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 08/27/26

Group G14
Round 7
Board 4

WHITE Wong, En Ting Alesq										FED SGP	RESULT (W)
BLACK Nicolas, Nika Juris										FED PHI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4 a0	e6 a1	21	Bxc2 28	nf4 46	41	Rfc2	Qa7	61	Kh3	Q-Q
2	Nc3 a6	d5 a1	22	Bf3 25	Q3 42	42	Kh2	Qa8	62	Ka4	Qc4
3	Qd5 a0	exd5 a1	23	Nc4 25	Nbd5 41	43	Rc7	Qe4	63	Kh3	Qh4
4	d4 a0	Nf6 a2	24	Bg3 22	Nd6 47	44	Qd6	Re6	64	Kg4	Ke2
5	Ba5 a0	Be7 a2	25	Bxd5 30	Qxd5 37	45	Qd1	Qa4	65	Kf4	Qd5
6	e3 a0	O-O a2	26	Nc3 20	Nd4 38	46	Kh1	Qa3	66	h5	Re6
7	Bd3 a8	h6 a3	27	Bd3 20	Bc5 35	47	Rc8	Kh7	67	g4	Qc4
8	Bh4 a7	Re8 a3	28	Bd2 24	Qb6 34	48	Rxb8	Re7	68	Kg3	Ka5
9	Nge2 a6	a6 a3	29	Kh1 17	Kxb3	49	Qxe1	Qe4	69	Kh2	Re7
10	O-O a5	Nbd7 a3	30	Qxb3 12	Bxe3	50	Kh2	Qc6	70	Qa2	
11	f3 a9	b5 a3	31	Bxd5 17	Qa7 20	51	Ka1	Qxb8	71	Kh1	Re7
12	Qc2 a5	Nb6 a2	32	Be1 17	Be3	52	Rd2	Qb6	72	Qb6	Qf1
13	b3 a4	a5 a1	33	Bd2 34	Bd2	53	Kf1	Qb5	73		
14	e4 a9	b4 a3	34	Bxd2 34	Qa5	54	Kg1	Qa5	74		
15	Nd1 a9	dxc4 a1	35	Rd2 34	Qa5 28	55	Q3	Qe3	75		
16	fxc4 a8	Bg4 a6	36	Rxa2 34	Ra8	56	Fd2	Qb3	76		
17	Bf2 a2	a4 a3	37	Bf4 34	Qe2	57	h4	Qd5	77		
18	Nb2 a8	Ba8 a0	38	Rae2 34	Qb7	58	Kh2	b3	78		
19	c5 a4	Nf4 a5	39	Rc2 34	Re7	59	Qd2	Qy2	79		
20	h3 a1	Bxc2 a4	40	Rc4 34	Rb8	60	Kx2	b2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
						Jim					

1158

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.08.27

Group	G14
Round	7
Board	5

WHITE Pellet, Yuna										FED	JPN	RESULT (W)	0
BLACK Gao, Ruoya										FED	CHN	RESULT (B)	1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Qc3	Qe7	41	Kc2	Rd2	61				
2	c4	e6	22	Qa1	Bb4	42	Rd2	Rd2	62				
3	Nc3	Bb4	23	Rd1	Qc7	43	Kf1	c5	63				
4	Bd2	O-O	24	f3	Bd5	44	Ke1	Bg3	64				
5	Nf3	d5	25	a6	Qa5	45	Kf1	c4	65				
6	e3	b6	26	Qa5	Ba5	46	Bc4	c2	66				
7	a3	Bdb	27	Ra1	Bd2	47	Rc1	Rd1	67				
8	Bd3	Bb7	28	Kf2	c3	48	Rd1	Qd2	68				
9	O-O	Re8	29	Bd1	b4	49			69				
10	Re1	Ne4	30	Rb1	Re8	50			70				
11	Qc2	f5	31	Nd7	Rd8	51			71				
12	b4	Nc3	32	Nc5	Rab8	52			72				
13	Bc3	dc	33	Nb3	Bc4	53			73				
14	Be2	b5	34	R3	Bb3	54			74				
15	a4	Be4	35	Bb7	Kf7	55			75				
16	Qb2	c6	36	g4	f4	56			76				
17	a5	Nd7	37	af	Rd4	57			77				
18	Rd1	Nf6	38	f5	Ef4	58			78				
19	h3	Nd5	39	fe	Ke7	59			79				
20	Ne5	Nc3	40	Rgd1	Rbd4	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.08.28

Group	G14
Round	7
Board	5

WHITE Pellet, Yuna										FED	JPN	RESULT (W)	0
BLACK Gao, Ruoya										FED	CHN	RESULT (B)	1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Qxc3	Qe7	41	Ke2	Rd2	61				
2	e4	e6	22	Qa1	Bxb4	42	Rxd2	Rxd2	62				
3	Nc3	Bb4	23	Rf1	Qc7	43	Kf1	e6	63				
4	Bd2	O-O	24	f3	Bd5	44	Ke1	Bg3	64				
5	Bf#3	d5	25	a6	Qa9	45	Kf1	c4	65				
6	e3	b6	26	Qa5	Bxa5	46	Bxc4	c2	66				
7	a3	Bd6	27	Ra1	Pa2	47	Rc1	Rxd1	67				
8	Bd3	Bb7	28	Kf2	c3	48	H	d1#	68				
9	O-O	Re8	29	Bd1	b4	49			69				
10	Re1	Ne4	30	Rb1	Rb8	50			70				
11	Qc2	f5	31	Nd7	Rd8	51			71				
12	b4	Nxc3	32	Nc3	Rb8	52			72				
13	Bxc3	dx c4	33	Nb3	Bc4	53			73				
14	Be2	b5	34	Rg1	ABD	54			74				
15	a4	Be4	35	Bxb3	Kf7	55			75				
16	Qb2	c6	36	g4	f4	56			76				
17	a5	Nd7	37	Qxb4	Rxd4	57			77				
18	Rd1	Nf6	38	b5	Bf4	58			78				
19	h3	Nd5	39	fxe6	Ke7	59			79				
20	Ne5	Nxc3	40	Rd1	Rd8	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27 Board 6

Group G/14
Round 7

954

WHITE						FED		MGL		RESULT (W)	
Khulan Bayarsaikhan										0	
BLACK						FED		CHN		RESULT (B)	
Wang Leji										1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e4	de	41			61		
2	c4	c6	22	Bc2	e3	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Bd3	Bd3	43			63		
4	e3	e6	24	Bd3	e4	44			64		
5	Nf3	Nb7	25	Kf1	Ra4	45			65		
6	Ba2	Bd6	26	Ba2	e4	46			66		
7	c5	Bc7	27	Rb4	Bb4	47			67		
8	b4	cc	28	Rf2	Qd4	48			68		
9	Be2	c5	29			49			69		
10	de	Ng	30			50			70		
11	0-0	b6	31			51			71		
12	cb	Gh	32			52			72		
13	Nd4	Nd3	33			53			73		
14	Bf3	Nef	34			54			74		
15	Nb2	Bc1	35			55			75		
16	Qc2	Nd2	36			56			76		
17	Qd2	Qf6	37			57			77		
18	g4	Bh2	38			58			78		
19	Rh1	Bc3	39			59			79		
20	Bc1	Bf1	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Khulan			Wang			Lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27 Board 6

Group G/14
Round 7

954

WHITE Khulan Bayarsaikhan						FED MGL			RESULT (W) 0		
BLACK Wang Leji						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e4	de	41			61		
2	c4	e4	22	Be2	e3	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Bd3	Bd3	43			63		
4	e3	Bb	24	Qd3	e4	44			64		
5	Nf3	Nd7	25	Kf1	Ra4	45			65		
6	Bd2	Bd6	26	Qc2	Rb4	46			66		
7	c5	Bd7	27	Kb4	Bb4	47			67		
8	b4	O-O	28	Rf2	Qa1	48			68		
9	Bd2	e5	29			49			69		
10	de	Ne5	30			50			70		
11	O-O	b6	31			51			71		
12	cb	ab	32			52			72		
13	Na4	Nf5	33			53			73		
14	Re3	Nex	34			54			74		
15	Nd2	Be5	35			55			75		
16	Qc2	Nd2	36			56			76		
17	Qd2	Qf6	37			57			77		
18	a4	Bb2	38			58			78		
19	Rab1	Re3	39			59			79		
20	Qa2	Bf5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Khulan			Wang			Lin					